

BỘ CÔNG NGHIỆP

BỘ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40/2005/QĐ-BCN

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tạm thời về quy hoạch phát triển công nghiệp

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 55/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; các Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 và Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 05/2003/TT-BKH ngày 22 tháng 7 năm 2003 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về nội dung, trình tự lập, thẩm định và quản lý các dự án quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội lãnh thổ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Viện trưởng Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tạm thời về quy hoạch phát triển công nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng, Viện trưởng thuộc Bộ, Giám đốc Sở Công nghiệp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan tham gia lập quy hoạch phát triển công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Hoàng Trung Hải

BỘ CÔNG NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY ĐỊNH TẠM THỜI****về quy hoạch phát triển công nghiệp***(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2005/QĐ-BCN**ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp)***Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

Quy định này quy định về việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt, quản lý, thực hiện quy hoạch phát triển công nghiệp theo ngành, theo lĩnh vực và theo vùng lãnh thổ.

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức tham gia lập quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp do Bộ Công nghiệp quản lý được quy định tại Nghị định số 55/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Quy hoạch phát triển công nghiệp" là việc luận chứng, lựa chọn phương án phát triển và phân bố ngành công nghiệp hợp lý cho một thời kỳ nhất định.

2. "Bản quy hoạch phát triển công nghiệp" là sản phẩm của quá trình lập quy hoạch, thể hiện thực trạng, quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển và phân bố công nghiệp theo ngành, theo vùng lãnh thổ, đề xuất các giải pháp, cơ chế chính sách cũng như việc tổ chức thực hiện.

3. "Quản lý công tác quy hoạch phát triển công nghiệp" là toàn bộ hoạt động bao gồm: lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, điều chỉnh, phối hợp thực hiện các quy hoạch phát triển công nghiệp.

Điều 3. Các loại quy hoạch phát triển công nghiệp

1. Theo ngành, lĩnh vực công nghiệp (sau đây gọi chung là quy hoạch ngành):
 - a) Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp Việt Nam;
 - b) Quy hoạch phát triển các chuyên ngành công nghiệp;
 - c) Quy hoạch phát triển tiêu thủ công nghiệp;
 - d) Các quy hoạch phát triển khác theo từng lĩnh vực công nghiệp.
2. Theo vùng lãnh thổ (sau đây gọi chung là quy hoạch vùng):
 - a) Quy hoạch phát triển công nghiệp vùng lãnh thổ (nhiều tỉnh);
 - b) Quy hoạch phát triển công nghiệp vùng kinh tế (theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ);
 - c) Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
 - d) Quy hoạch phát triển công nghiệp huyện;
 - đ) Quy hoạch phát triển khu, cụm, điểm công nghiệp.

Điều 4. Thời gian định hướng của quy hoạch

Thời gian định hướng của quy hoạch phát triển công nghiệp là 10 năm, có tầm nhìn tới 5 năm hoặc 10 năm tiếp theo tùy theo loại quy hoạch. Việc lập quy hoạch, xem xét điều chỉnh quy hoạch được tiến hành thường xuyên trước 1 năm của kế hoạch 5 năm.

Điều 5. Các nguyên tắc lập, thẩm định, quản lý quy hoạch phát triển công nghiệp

1. Đảm bảo tính thống nhất với chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp chặt chẽ giữa hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh với hiệu quả phát triển ngành.

2. Đảm bảo hình thành cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đảm bảo hiệu quả trước mắt và lâu dài, hiệu quả cục bộ và hiệu quả tổng thể, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững; phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

3. Đảm bảo tính liên tục và kế thừa, đảm bảo tính định hướng cho đầu tư phát triển.

4. Đảm bảo tính phối hợp giữa quy hoạch ngành, quy hoạch vùng lãnh thổ với quy hoạch xây dựng và quy hoạch các ngành khác có liên quan.

Chương II

NỘI DUNG LẬP QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH VÀ LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP

Điều 6. Bố cục và nội dung chủ yếu của bản quy hoạch phát triển ngành và lĩnh vực công nghiệp

Bản quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực công nghiệp (sau đây gọi chung là ngành) theo 4 loại quy hoạch nêu tại khoản 1 Điều 3 có thể bố cục theo phần, chương, mục. Ngoài phần mở đầu và kết luận (phần mở đầu cần nêu rõ các căn cứ và sự cần thiết phải xây dựng quy hoạch, phương pháp luận và phạm vi quy hoạch...) bản quy hoạch ngành cần có các nội dung chủ yếu sau:

1. Hiện trạng phát triển ngành giai đoạn trước quy hoạch (nếu trước đây đã có quy hoạch thì cần so sánh với mục tiêu quy hoạch giai đoạn trước đã đề ra).

Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển ngành, sản phẩm công nghiệp. Nội dung phân tích, đánh giá hiện trạng bao gồm:

- a) Phân tích cơ cấu ngành, sản phẩm chủ lực, đầu tư, khoa học - công nghệ, lao động, tổ chức sản xuất, năng suất, hiệu quả:
- Thực trạng về quy mô và năng lực sản xuất;
 - Thực trạng về cơ cấu ngành theo thành phần kinh tế và tổ chức quản lý;
 - Thực trạng về thị trường sản phẩm chủ yếu của ngành (trong nước, ngoài nước, xuất khẩu) và khả năng cạnh tranh của ngành, sản phẩm;
 - Thực trạng về công tác đầu tư;
 - Thực trạng về trình độ kỹ thuật của thiết bị, trình độ công nghệ, công tác đo lường và chất lượng sản phẩm;
 - Thực trạng về nguồn nhân lực, công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ;
 - Thực trạng về môi trường và phát triển bền vững.
 - Thực trạng sản xuất, thị trường nguyên phụ liệu (hoặc công nghiệp phụ trợ) cho ngành và tiềm năng phát triển;
 - Những nhân tố khách quan về cơ chế chính sách tác động tới hoạt động;

- Đánh giá tốc độ tăng trưởng, hiệu quả tăng trưởng, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng vốn.

b) Khái quát bài học kinh nghiệm, những thành công, hạn chế trong quá trình phát triển và nguyên nhân của những thành công, hạn chế đó.

2. Những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển ngành trong giai đoạn quy hoạch.

a) Xác định vị trí, vai trò của ngành đối với nền kinh tế quốc dân và các mục tiêu phát triển của ngành. Phân tích cung cầu, tình hình cạnh tranh trên thế giới và khu vực.

b) Phân tích và dự báo các yếu tố và nguồn lực tác động đến sự phát triển ngành:

- Đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến phát triển;

- Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế (tác động tích cực, tiêu cực);

- Phân tích, dự báo các yếu tố thị trường trong nước và quốc tế;

- Dự báo về khả năng cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ của ngành; khả năng chiếm lĩnh thị trường trong nước và xuất khẩu.

3. Quy hoạch phát triển.

a) Quan điểm, mục tiêu (mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể) và định hướng phát triển ngành.

b) Luận chứng các phương án phát triển ngành, sản phẩm chủ lực và các điều kiện chủ yếu đảm bảo thực hiện các mục tiêu quy hoạch:

- Xác định các phương án/kịch bản phát triển ngành, sản phẩm công nghiệp (có thể theo nhiều kịch bản/phương án khác nhau);

- Lựa chọn các ngành (sản phẩm) công nghiệp chủ lực; luận giải các tiêu chí về lựa chọn các sản phẩm chủ lực, ưu tiên;

- Quy hoạch sản xuất nguyên phụ liệu cho ngành:

+ Khả năng phát triển nguyên phụ liệu cho ngành;

+ Quan điểm và định hướng phát triển;

+ Các phương án phát triển sản xuất nguyên phụ liệu cho ngành;

+ Tính toán nhu cầu vốn đầu tư cho sản xuất nguyên phụ liệu cho ngành.

- Tính toán các điều kiện chủ yếu đảm bảo mục tiêu quy hoạch được thực hiện (vốn đầu tư, công nghệ, nguồn nhân lực và các nguồn lực khác);
- Luận chứng phương án phân bổ ngành theo không gian lãnh thổ, nhất là đối với các dự án then chốt;
- Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ cho phát triển ngành;
- Xây dựng các chương trình và danh mục các công trình, dự án đầu tư công nghiệp chủ yếu theo các phân kỳ kế hoạch 5 năm;
- Luận chứng những vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

4. Các giải pháp và cơ chế chính sách.

Xây dựng các giải pháp về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển theo các phương án của quy hoạch, các giải pháp cần đề cập đến những vấn đề cụ thể cho phát triển ngành, mang đặc thù riêng của ngành:

- a) Về thị trường;
- b) Về đầu tư;
- c) Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ;
- d) Về phát triển sản xuất nguyên phụ liệu cho ngành;
- đ) Về phát triển nguồn nhân lực;
- e) Về tài chính;
- g) Về quản lý ngành;
- h) Các giải pháp, chính sách khác (nếu có).

5. Tổ chức thực hiện.

Phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan có liên quan chủ trì hoặc phối hợp thực hiện theo chức năng nhằm đảm bảo các yêu cầu, điều kiện để thực hiện và quản lý thực hiện quy hoạch một cách hiệu quả.

Điều 7. Nội dung chủ yếu của bản quy hoạch phát triển công nghiệp theo vùng lãnh thổ

Bản quy hoạch phát triển công nghiệp hoặc phân ngành công nghiệp theo vùng lãnh thổ có thể có những điểm khác nhau về nội dung cụ thể tùy theo các cấp độ lãnh thổ, tùy theo đặc thù của từng ngành, ngoài phần mở đầu (phần mở đầu cần

nêu rõ các căn cứ và sự cần thiết phải xây dựng quy hoạch, phương pháp luận và phạm vi quy hoạch...) và kết luận cần có bố cục và những nội dung chủ yếu sau:

1. Tiềm năng, nguồn lực và các yếu tố tác động tới sự phát triển công nghiệp của vùng.

a) Vị trí địa lý kinh tế, điều kiện tự nhiên, dân số.

b) Tiềm năng và các nguồn lực cho phát triển công nghiệp:

- Tài nguyên đất: Quỹ đất và cơ cấu đất;

- Tài nguyên khoáng sản;

- Tài nguyên nước (nước mặt, nước ngầm);

- Tiềm năng phát triển nguồn nguyên liệu nông, lâm, thủy sản (tài nguyên rừng, tài nguyên biển...), nguyên liệu thứ cấp và các loại nguyên liệu khác;

- Nguồn nhân lực (số lượng, chất lượng);

- Đánh giá tác động của các yếu tố trên đến phát triển công nghiệp trong vùng.

c) Các yếu tố tác động đến phát triển công nghiệp trong vùng.

2. Phân tích và dự báo các yếu tố tác động đến sự phát triển công nghiệp trong vùng:

a) Đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và địa phương liên quan đến phát triển ngành;

b) Các yếu tố quan hệ liên vùng ảnh hưởng đến phát triển công nghiệp của vùng;

c) Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế;

d) Phân tích, đánh giá và dự báo thị trường tiêu thụ sản phẩm (thị trường trong nước, thị trường ngoài nước, khả năng hợp tác đầu tư với nước ngoài...).

đ) Tổng quan về tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong vùng:

- Diễn biến tăng trưởng kinh tế theo GDP trong 5 - 10 năm vừa qua. GDP bình quân trên đầu người so sánh với cả nước và một số vùng lân cận;

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong các năm vừa qua: theo cơ cấu ngành, theo thành phần kinh tế, theo vùng kinh tế;

- Kim ngạch xuất nhập khẩu và cơ cấu hàng hóa xuất, nhập khẩu trong 5 - 10 năm vừa qua;

- Cơ sở hạ tầng: Giao thông đường bộ, đường thủy, đường không..., tình hình phát triển thông tin liên lạc, cung cấp điện, nước, tình hình đô thị hóa và quy hoạch đô thị;

- Tình hình đầu tư phát triển trên địa bàn theo các thành phần kinh tế. Đánh giá khả năng thu hút vốn đầu tư của các thành phần kinh tế, nhất là của khối kinh tế ngoài quốc doanh và đầu tư nước ngoài.

3. Đánh giá thực trạng phát triển ngành công nghiệp:

a) Số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp trong vùng tính đến thời điểm quy hoạch, phân loại theo các chuyên ngành công nghiệp, theo thành phần kinh tế và phân bố theo không gian lãnh thổ trên địa bàn;

b) Đánh giá quá trình tăng trưởng của ngành công nghiệp qua các thời kỳ (tăng trưởng giá trị sản xuất, giá trị gia tăng, lao động và năng suất lao động...). Đánh giá một số phân ngành chủ yếu thông qua tốc độ tăng trưởng sản phẩm.

c) Đánh giá cơ cấu công nghiệp (theo giá trị sản xuất, giá trị gia tăng) trong tổng thể nền kinh tế quốc dân, cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp, cơ cấu theo thành phần kinh tế, cơ cấu theo không gian lãnh thổ; Đánh giá tình hình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp trong vùng;

d) Đánh giá tình hình đầu tư cho công nghiệp: tổng mức đầu tư chung cho toàn ngành, theo phân ngành, theo thành phần kinh tế; hiệu quả đầu tư; hệ số ICOR; đánh giá tình hình đầu tư một số công trình chủ yếu;

đ) Đánh giá cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ của ngành công nghiệp: tổng quan về cơ sở vật chất của ngành, thực trạng trình độ trang bị kỹ thuật và công nghệ; thực trạng hoạt động đầu tư nghiên cứu - triển khai, các hoạt động chuyển giao công nghệ; đánh giá các điều kiện đảm bảo khác;

e) Đánh giá về chất lượng nguồn nhân lực;

g) Đánh giá về những thành tựu, đóng góp của ngành công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế của vùng: mức đóng góp vào ngân sách, kim ngạch xuất nhập khẩu, các sản phẩm xuất nhập khẩu chủ yếu, hiệu quả sản xuất kinh doanh của ngành công nghiệp.

h) Đánh giá tổng quát khả năng cạnh tranh các ngành công nghiệp của vùng lãnh thổ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (thị phần của các sản phẩm công nghiệp chủ yếu, chi phí sản xuất...);

i) Đánh giá thực trạng hoạt động các khu, cụm, điểm công nghiệp.

k) Đánh giá tác động của phát triển công nghiệp đến môi trường và phát triển bền vững.

l) Các nhân tố tác động đến phát triển công nghiệp: tác động của các cơ chế, chính sách; các nhân tố trong nước và ngoài nước, những đòi hỏi của nền kinh tế nói chung và của vùng nói riêng, của quá trình hội nhập... đối với sự phát triển của ngành.

4. Quy hoạch phát triển:

a) Quan điểm phát triển;

b) Mục tiêu phát triển (mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể từng giai đoạn);

c) Định hướng phát triển chung;

d) Quy hoạch phát triển công nghiệp:

- Luận chứng các phương án/kịch bản phát triển: sự lồng ghép của quy hoạch công nghiệp với các quy hoạch ngành khác; cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu ngành công nghiệp, giá trị sản xuất công nghiệp, giá trị gia tăng ngành công nghiệp, tốc độ tăng trưởng công nghiệp...

- Quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp trong vùng, bao gồm cả công nghiệp hỗ trợ cho phát triển ngành.

- Xác định ngành nghề và sản phẩm chủ yếu. Xác định trọng tâm đầu tư.

đ) Phân bố công nghiệp:

- Luận chứng hình thành các khu, cụm, điểm công nghiệp tập trung, khu chế xuất (bao gồm cả khu, cụm công nghiệp hỗ trợ);

- Luận chứng hình thành các trục công nghiệp hay dải hành lang công nghiệp (nếu có).

e) Xác định các chương trình và danh mục các dự án đầu tư công nghiệp chủ yếu; nhu cầu vốn thực hiện các chương trình, dự án.

5. Những giải pháp, chính sách cơ bản:

a) Các giải pháp về vốn cho thực hiện những mục tiêu trong quy hoạch;

b) Các giải pháp về thị trường;

c) Các giải pháp về nâng cao tính cạnh tranh của ngành công nghiệp;

- d) Các giải pháp phát triển nguồn nhân lực;
- đ) Các giải pháp phát triển khoa học công nghệ, đảm bảo môi trường;
- e) Các giải pháp nâng cao năng lực tổ chức, quản lý ngành công nghiệp;
- g) Các biện pháp khác;
- h) Đề xuất hệ thống các cơ chế, chính sách.

6. Tổ chức thực hiện quy hoạch và kiến nghị.

a) Tổ chức thực hiện: Phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan có liên quan chủ trì hoặc phối hợp thực hiện theo chức năng nhằm đảm bảo các yêu cầu, điều kiện để thực hiện và quản lý thực hiện quy hoạch một cách hiệu quả.

b) Kiến nghị.

Điều 8. Hình thức bản quy hoạch phát triển công nghiệp

1. Bản quy hoạch phát triển công nghiệp được in trên giấy khổ A4 (210 x 297 mm).

2. Trang bìa của bản quy hoạch ghi rõ:

a) Cơ quan quản lý quy hoạch (Bộ Công nghiệp hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định lập dự án quy hoạch);

b) Cơ quan quản lý dự án, thủ trưởng cơ quan ký tên, đóng dấu;

c) Cơ quan thực hiện dự án, thủ trưởng cơ quan ký tên, đóng dấu;

d) Chủ nhiệm dự án, ký tên;

đ) Tên dự án: Quy hoạch phát triển ngành (sản phẩm công nghiệp)/Quy hoạch phát triển công nghiệp vùng (tên vùng, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) đến năm..., có xem xét đến năm...;

e) Tháng, năm hoàn thành;

3. Các bản đồ kèm theo (có thể in màu hoặc in đen trắng) có kích thước tối thiểu là 210 x 297 mm.

Danh mục các tài liệu tham khảo, ghi rõ nguồn gốc các số liệu, tư liệu trong báo cáo tổng hợp dự án (do cơ quan thực hiện dự án điều tra, thu thập, xử lý hoặc kế thừa kết quả của các cơ quan khác).

4. Phụ lục các số liệu cơ sở, kết quả tính toán chi tiết của bản quy hoạch.

Chương III

PHÂN CẤP QUẢN LÝ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

Điều 9. Quy hoạch do Trung ương quản lý:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp trên phạm vi cả nước, của vùng (nhiều tỉnh), của các vùng kinh tế trọng điểm, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có vị trí đặc biệt quan trọng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

2. Quy hoạch phát triển các chuyên ngành công nghiệp quan trọng, các sản phẩm công nghiệp quan trọng trên phạm vi cả nước và vùng lãnh thổ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ.

Bộ Công nghiệp là cơ quan quản lý trực tiếp việc thực hiện các quy hoạch phát triển công nghiệp nêu trên.

Điều 10. Quy hoạch do địa phương quản lý:

1. Quy hoạch phát triển công nghiệp và quy hoạch phát triển các chuyên ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ngoài các quy hoạch được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 9 của Quy định này.

2. Quy hoạch phát triển công nghiệp các thành phố trực thuộc tỉnh;

3. Quy hoạch phát triển khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

4. Quy hoạch phát triển công nghiệp, quận, huyện, thị xã (nếu có);

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cơ quan quản lý trực tiếp các quy hoạch phát triển công nghiệp thuộc khoản 1, khoản 2 và khoản 3 của Điều này.

Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã là cơ quan quản lý trực tiếp các quy hoạch phát triển công nghiệp thuộc khoản 4 của Điều này.

Chương IV

TRÌNH TỰ LẬP, PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

Điều 11. Trình tự và thủ tục đăng ký lập quy hoạch phát triển công nghiệp.

1. Đối với các quy hoạch công nghiệp do Trung ương quản lý:

Bộ Công nghiệp lập kế hoạch xây dựng quy hoạch phát triển công nghiệp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo tiến độ xây dựng kế hoạch chung hàng năm của Nhà nước, bao gồm danh mục các quy hoạch, nhu cầu vốn; phê duyệt đề cương và tổng dự toán cho từng dự án quy hoạch.

Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch được phê duyệt, Bộ Công nghiệp giao nhiệm vụ hoặc tổ chức đấu thầu chọn đơn vị tư vấn có năng lực và tư cách pháp nhân lập quy hoạch.

2. Đối với các dự án quy hoạch phát triển công nghiệp do địa phương quản lý:

Sở Công nghiệp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập kế hoạch xây dựng quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp của địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt và báo cáo Bộ Công nghiệp theo tiến độ xây dựng kế hoạch chung hàng năm. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cân đối nguồn vốn và giao nhiệm vụ cho Sở Công nghiệp thực hiện dự án.

Điều 12. Trình tự xây dựng quy hoạch phát triển công nghiệp

Trên cơ sở đề cương, tiến độ xây dựng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan được giao (hoặc trúng thầu) xây dựng quy hoạch phải thực hiện các bước xây dựng quy hoạch như sau:

1. Phân công nhiệm vụ cho nhóm nghiên cứu, các cơ quan tham gia xây dựng quy hoạch.
2. Tổ chức điều tra và xử lý các kết quả điều tra cơ bản; khảo sát thực tế; thu thập tư liệu, số liệu gốc (các số liệu viện dẫn phải có nguồn hợp pháp, tin cậy):
 - a) Tổ chức điều tra, khảo sát thu thập tư liệu, số liệu, các bản đồ gốc;
 - b) Tập hợp các văn bản chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Nhà nước và các chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành công nghiệp của cả nước có liên quan tới quy hoạch cần xây dựng;
 - c) Các tài liệu, số liệu về hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành công nghiệp;
 - d) Các tài liệu về điều kiện tự nhiên: vị trí địa lý, địa hình, khí hậu, địa chất, cảnh quan, các nguồn tài nguyên thiên nhiên chủ yếu v.v...

3. Nghiên cứu, phân tích, đánh giá tác động của các yếu tố liên quan đến phát triển công nghiệp. Tác động của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước, của

vùng và các yếu tố về kinh tế - xã hội khác đến phát triển công nghiệp trong tương lai. Xác định vị trí, vai trò của vùng và ngành công nghiệp đối với nền kinh tế quốc dân.

4. Xây dựng và lựa chọn phương án quy hoạch:

a) Xác định quan điểm, mục tiêu (bao gồm cả mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể), định hướng phát triển;

b) Định hướng các nội dung quy hoạch chủ yếu theo đề cương được duyệt, phù hợp các quy hoạch liên ngành khác;

c) Tổ chức trao đổi nội bộ và hội thảo, lấy ý kiến chuyên gia, ý kiến các cơ quan, ban, ngành Trung ương và địa phương có liên quan;

d) Hoàn thiện bản quy hoạch và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 13. Các cơ quan tham gia lập quy hoạch phát triển công nghiệp

1. Chủ đầu tư:

Đối với các dự án quy hoạch phát triển công nghiệp do Trung ương quản lý, chủ đầu tư thực hiện dự án là Bộ Công nghiệp. Bộ trực tiếp chỉ định và giao nhiệm vụ hoặc tổ chức đấu thầu để lựa chọn các cơ quan, tổ chức có năng lực và tư cách pháp nhân lập quy hoạch phát triển công nghiệp.

Đối với các dự án quy hoạch công nghiệp do địa phương quản lý, chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc có thể ủy quyền cho Sở Công nghiệp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm chủ đầu tư thực hiện;

2. Cơ quan lập quy hoạch phải là cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ và năng lực chuyên môn phù hợp với công tác xây dựng quy hoạch công nghiệp. Cơ quan lập quy hoạch phải thực hiện đúng theo đề cương và dự toán đã được phê duyệt. Mọi điều chỉnh trong đề cương và dự toán của quy hoạch phải được cơ quan phê duyệt cho phép.

Điều 14. Thẩm định quy hoạch

1. Tổ chức thẩm định quy hoạch phát triển công nghiệp:

a) Cơ quan tổ chức thẩm định dự án quy hoạch trên cơ sở bản quy hoạch do cơ quan lập quy hoạch trình, đề cương được phê duyệt, ý kiến của các cơ quan, địa phương có liên quan, ý kiến phản biện của tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ phản biện. Các tổ chức tham gia thẩm định có thể yêu cầu cơ quan lập quy hoạch

giải trình, bổ sung. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm giải trình, bổ sung làm rõ bằng văn bản;

b) Thời gian thẩm định không quá 45 ngày làm việc đối với các quy hoạch phát triển công nghiệp do Trung ương quản lý, không quá 30 ngày làm việc đối với các quy hoạch công nghiệp do địa phương quản lý kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian bổ sung, sửa đổi hồ sơ).

2. Hồ sơ trình thẩm định bao gồm:

a) Tờ trình của thủ trưởng cơ quan lập quy hoạch đề nghị phê duyệt quy hoạch gửi cấp có thẩm quyền được quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Bản quy hoạch đã được lập theo nội dung quy định;

c) Các báo cáo chuyên đề, các phụ lục kèm theo (kể cả các bản đồ, bảng biểu, bản vẽ);

d) Các văn bản pháp lý có liên quan;

đ) Dự thảo Quyết định phê duyệt.

3. Nội dung thẩm định quy hoạch phát triển công nghiệp:

a) Cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học, độ tin cậy của các thông tin, số liệu, tư liệu sử dụng để lập quy hoạch và nội dung quy hoạch;

b) Sự phù hợp của quy hoạch với chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

c) Các quan điểm, mục tiêu, định hướng chủ yếu của quy hoạch và phương án thực hiện quy hoạch;

d) Tính thống nhất của quy hoạch vùng, lãnh thổ và các ngành khác với quy hoạch phát triển công nghiệp;

đ) Tính khả thi của quy hoạch và các giải pháp tổ chức, thực hiện quy hoạch.

4. Thẩm quyền thẩm định quy hoạch phát triển công nghiệp:

a) Đối với các dự án quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công nghiệp tổ chức nghiệm thu cấp Bộ, lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ và cơ quan thẩm định. Trường hợp được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền, Bộ Công nghiệp sẽ tổ chức thẩm định theo các quy định hiện hành;

b) Đối với các dự án quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công nghiệp, Bộ sẽ tổ chức thẩm định theo các quy định hiện hành;

c) Đối với các dự án quy hoạch do địa phương quản lý, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thẩm định theo các quy định hiện hành.

Điều 15. Phê duyệt quy hoạch

1. Hồ sơ trình phê duyệt:

a) Hồ sơ của cơ quan lập quy hoạch trình bao gồm:

- Tờ trình cấp có thẩm quyền đề nghị phê duyệt quy hoạch;
- Báo cáo quy hoạch lập theo nội dung quy định;
- Báo cáo tóm tắt quy hoạch trình duyệt;
- Dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch;
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

b) Hồ sơ của cơ quan thẩm định trình bao gồm:

- Báo cáo thẩm định;
- Các văn bản (bản sao) về ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan, các địa phương có liên quan, của các nhà khoa học, các chuyên gia phản biện;
- Dự thảo quyết định phê duyệt (trong trường hợp đề nghị phê duyệt quy hoạch).

2. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp:

a) Đối với các quy hoạch phát triển công nghiệp do Trung ương quản lý, Bộ Công nghiệp trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc phê duyệt theo sự ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ;

b) Đối với các quy hoạch công nghiệp do địa phương quản lý, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt sau khi đã có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của Bộ Công nghiệp.

3. Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Quan điểm, mục tiêu và định hướng phát triển chủ yếu của quy hoạch;

b) Phương hướng tổ chức theo không gian lãnh thổ;

c) Danh mục các dự án đầu tư 5 năm, 10 năm (kể cả các chương trình, dự án đầu tư ưu tiên);

d) Các giải pháp và chính sách, chương trình hành động (nếu có) để thực hiện quy hoạch;

đ) Phân công thực hiện quy hoạch.

Điều 16. Kinh phí xây dựng quy hoạch phát triển công nghiệp

1. Kinh phí xây dựng quy hoạch phát triển công nghiệp được Ngân sách Nhà nước cấp theo quy định của pháp luật.

2. Việc sử dụng các nguồn tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước cho công tác lập quy hoạch phát triển công nghiệp được thực hiện theo các quy định của pháp luật.

3. Việc quản lý cấp phát và thanh quyết toán kinh phí đối với các dự án quy hoạch phát triển công nghiệp được thực hiện theo các quy định của pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Quy hoạch phát triển công nghiệp sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải được công bố công khai.

Điều 18. Bộ Công nghiệp kiểm tra, giám sát, tổ chức theo dõi tình hình lập, công bố và thực hiện các quy hoạch phát triển công nghiệp do Trung ương quản lý xây dựng và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách đảm bảo thực hiện mục tiêu quy hoạch đã đề ra, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư đúng theo định hướng phát triển của quy hoạch.

Điều 19. Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm công bố, kiểm tra, giám sát thực hiện các quy hoạch phát triển công nghiệp do địa phương quản lý, xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách đảm bảo thực hiện mục tiêu quy hoạch đã đề ra, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư theo đúng định hướng phát triển của quy hoạch.

Điều 20. Điều chỉnh quy hoạch

Trong trường hợp xuất hiện những yếu tố mới làm thay đổi từng phần nội dung quy hoạch đã được phê duyệt, cơ quan quản lý quy hoạch tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế. Văn bản điều

chính quy hoạch phải trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và được công bố công khai.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Kế hoạch - Bộ Công nghiệp là đầu mối phối hợp với các Vụ, Cục, của Bộ Công nghiệp, Viện Nghiên cứu chiến lược chính sách công nghiệp, Sở Công nghiệp, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch lập quy hoạch phát triển công nghiệp và đề xuất rà soát, điều chỉnh các quy hoạch phát triển các ngành, các sản phẩm công nghiệp.

2. Các cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm gửi về Vụ Kế hoạch 01 bản Quy hoạch được phê duyệt kèm theo Quyết định phê duyệt để tổng hợp và theo dõi.

3. Sở Công nghiệp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đầu mối xây dựng kế hoạch lập quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn, chịu trách nhiệm phổ biến, tổ chức phối hợp thực hiện và theo dõi tình hình thực hiện quy hoạch phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn và quy hoạch do địa phương quản lý đề báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ Công nghiệp, đề xuất việc rà soát, bổ sung điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp của địa phương./.

BỘ TRƯỞNG

Hoàng Trung Hải